TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1147/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2023
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Nguyễn Đình Cương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2305/2021/QĐXXST-DS ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thảo N, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: A Lê Văn Sỹ, khu phố 1, Phường 13, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Tran Quang T (Trần Quang T), sinh năm: 1991;
Địa chỉ: B South 13th Ave, Laurel, MS 39440, USA (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 08/5/2023, nguyên đơn - bà Trần Thảo N - trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 30/5/2017. Sau khi kết hôn, khoảng tháng 02/2020, ông Tran Quang T (Trần Quang T) trở về Hoa Kỳ, còn bà vẫn ở Việt Nam. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Do khoảng cách địa lý nên vợ chồng ít có thời gian gần gũi nhau, cách suy nghĩ và quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên xảy

ra mâu thuẩn, tranh cãi dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, đến mức không thể hàn gắn được. Do đó, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là tìm kiếm một gia đình hạnh phúc đến nay đã không đạt được, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tran Quang T (Trần Quang T).

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Bà Nguyên và ông Tran Quang T (Trần Quang T) sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đồng thời, bà Trần Thảo N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Theo nội dung Bản tự khai ngày 18/5/2021, bị đơn - ông Tran Quang T (Trần Quang T) - trình bày:*

Năm 2017, ông Tran Quang T (Trần Quang T) và bà Trần Thảo N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 30/5/2017 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp. Sau khi kết hôn ông trở về Hoa Kỳ, còn bà N vẫn ở Việt Nam. Do khoảng cách địa lý, cách suy nghĩ và quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn, tranh cãi dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt, đến mức không thể hàn gắn được. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thảo N.

Ông thống nhất với trình bày của bà Trần Thảo N về con chung, tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, ông có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Bà Trần Thảo N khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Tran Quang T (Trần Quang T); ông T hiện đang cư trú tại B South 13th Ave, Laurel, MS 39440, USA nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm

theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề nghị xét xử sớm, giấy ủy quyền của ông Tran Quang T (Trần Quang T) đã được hợp pháp hóa lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ, nên đây được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thảo N, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Qua nội dung trình bày của bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T), có cơ sở xác định: bà N và ông Tran Quang T (Trần Quang T) có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/5/2017. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp.

+ Sau thời gian chung sống, ông Tran Quang T (Trần Quang T) định cư ở nước ngoài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có sự gắn kết sâu đậm và hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải. Hai bên đang sinh sống và làm việc ở hai nước khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T).

- Về con chung: bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T) cùng xác định không có.

- Về tài sản chung: bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T) tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T) cùng xác định không có.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nguyên đơn bà Trần Thảo N chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 ; điểm a, c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T).

Giấy chứng nhận kết hôn số 41 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 30/5/2017 cho bà Trần Thảo N và ông Tran Quang T (Trần Quang T) hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thảo N chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyên đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004472 ngày 30/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thảo N đã nộp đủ án phí.

3. Bà Trần Thảo N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Tran Quang T (Trần Quang T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TANDCC tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- UBND H.Lai Vung, T.Đồng Tháp;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu (KD/25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Toại